

Bệnh viện chúng tôi sẽ thường xuyên giữ liên lạc với bộ y tế để đảm bảo an toàn cho mẹ và bé lúc mang thai,sinh sản,và sau khi sinh .yêu cầu hãy trả lời cho đúng các câu hỏi sau đây
当院では、妊娠・出産・産後の生活を安心して過ごしていただけるよう、検診・保険相談などでサポートしております。お母さんと赤ちゃんの安心、安全のため、市保険センターに連絡させていただくことができます。以下の問診にお答えください。

khám lần đầu

năm tháng lần cuối tái khám

trên 1 năm tái khám

☐初診

☐年 月 最終受診

☐1年以上前が最終受診

tiếng nhật フリガナ			ngày sinh 生年月日	năm , tháng ,ngày 年 月 日 () 歳		
họ tên 氏名			lúc chưa có thai nặng 妊娠前の体重 () kg		chiều cao 身長 () cm	
địa chỉ 住所	〒		quốc tịch ,ngôn ngữ 日本以外の方 国籍 () 言語			
điện thoại 電話	số điện thoại nhà 自宅 số điện thoại di động 本人携帯		số điện thoại của chồng 緊急連絡先 (夫・様) 携帯			
số điện thoại 自宅以外の出産前後 の居住地	địa chỉ 住所 số điện thoại 電話		tên () 方			
nghề nghiệp 職業	của bản thân 本人 () ※現職又は妊娠前の職業					
kinh nguyệt 月経	kỳ kinh vừa rồi có từ lúc năm , tháng , ngày cho đến tháng , ngày tổng cộng có mấy ngày 最終月経 年 月 日～ 月 日 () 日間 chu kỳ kinh nguyệt lượng ra máu bình thường , không bình thường 月経周期 () 日型 (順・不順) thân nhiệt độ thường xuyên đo , không thường đo 基礎体温 (測定中・測定してない)					
kết hôn 結婚	đã kết hôn năm bao nhiêu tuổi tái hôn ☐ 既婚 結婚年齢 () 歳 ☐ 再婚 tên chồng tuổi của chồng nghề nghiệp 夫氏名 () 夫年齢 () 歳 職業 () còn độc thân đang có ý định kết hôn ☐ 未婚 ☐ 入籍予定 tên bạn trai tuổi bạn trai nghề nghiệp パートナー氏名 () パートナー年齢 () 歳 職業 ()					
số lần có thai 妊娠歴	chưa có thai ☐ 妊娠なし đã có thai số lần sinh sản số lần sẩy thai số lần phá thai số lần thai có triệu chứng xấu ☐ 妊娠あり 出産 回 ・流産 () 回 ・中絶 () 回 ・異常妊娠 () 回					
số lần đã sinh 出産歴	sinh năm , tháng 1) 年 月	tuần 週	sinh thường ,sinh trường hợp khó 自然・吸引・鉗子 sinh mổ 帝王切開 ()	con trai 男 con gái 女 g	còn sống , chết 健・死 hiện không rõ 否 ()	ở bệnh viện này 当院 bệnh viện khác 他院
	sinh năm , tháng 2) 年 月	tuần 週	sinh thường ,sinh trường hợp khó 自然・吸引・鉗子 sinh mổ 帝王切開 ()	con trai 男 con gái 女 g	còn sống ,chết 健・死 hiện không rõ 否 ()	ở bệnh viện này 当院 bệnh viện khác 他院
	sinh năm , tháng 3) 年 月	tuần 週	sinh thường ,sinh trường hợp khó 自然・吸引・鉗子 sinh mổ 帝王切開 ()	con trai 男 con gái 女 g	còn sống , chết 健・死 hiện không rõ 否 ()	ở bệnh viện này 当院 bệnh viện khác 他院
	sinh năm , tháng 4) 年 月	tuần 週	sinh thường ,sinhtrường hợp khó 自然・吸引・鉗子 sinh mổ 帝王切開 ()	con trai 男 con gái 女 g	còn sống ,chết 健・死 hiện không rõ 否 ()	ở bệnh viện này 当院 bệnh viện khác 他院
	hiện đang cho con bú sữa mẹ có không 現在授乳中ですか ☐ はい ☐ いいえ					

